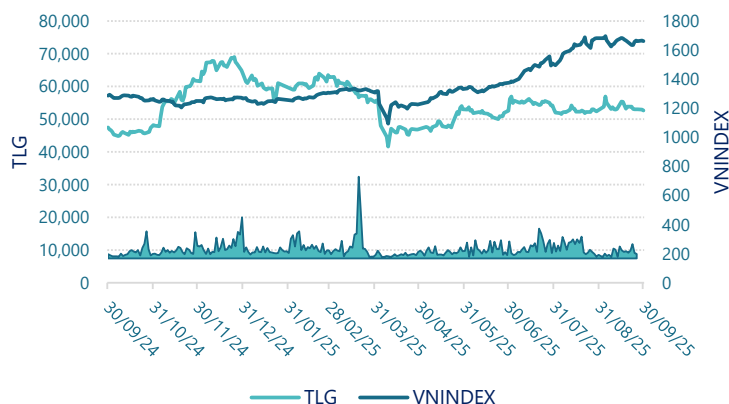


CTCP Tập đoàn Thiên Long (HSX: TLG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	52,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	69,002
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	41,624
SL cổ phiếu LH	87,753,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	219,780
% sở hữu nước ngoài	13.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,625
P/E	11.1
EPS	4,750

DT thuần

Q3/25

1,184

tỷ VNĐ

QoQ: ▼62.0| -4.9%

YoY: ▲288| 32.2%

LN sau thuế

Q3/25

75.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼146| -65.9%

YoY: ▼15.7| -17.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

8.7%

+/- YoY: ▼4.5%

DT thuần

9T 2025

3,225

tỷ VNĐ

YoY: ▲313| 10.7%

LN sau thuế

9T 2025

376

tỷ VNĐ

YoY: ▼45.0| -10.7%

ROE

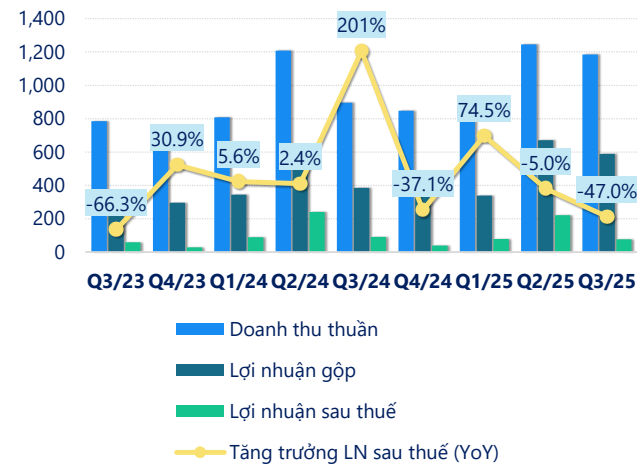
Q3/25

16.9%

+/- YoY: ▼3.4%

tỷ VNĐ

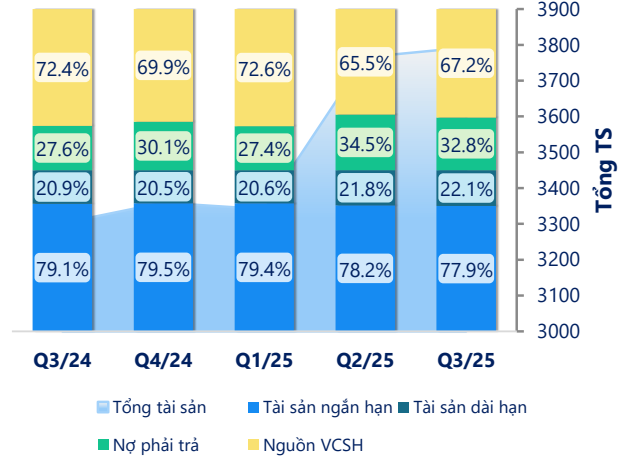
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

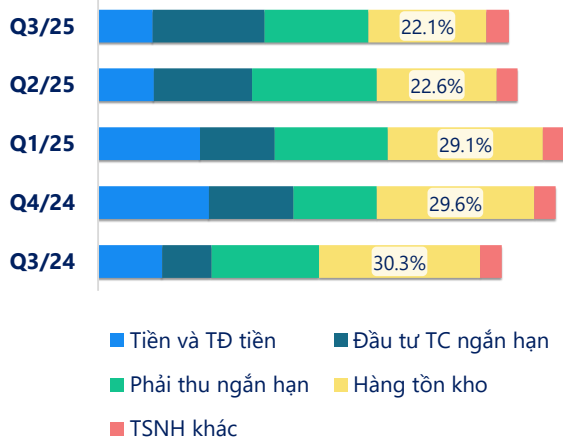
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



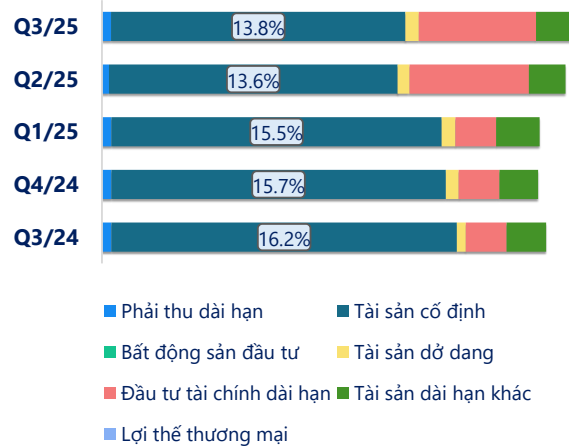
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

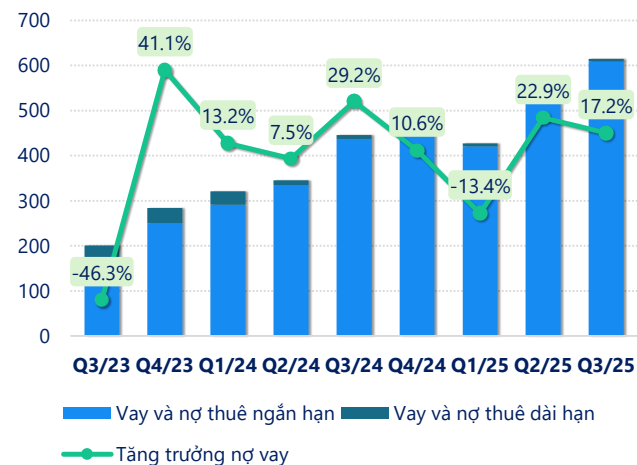
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

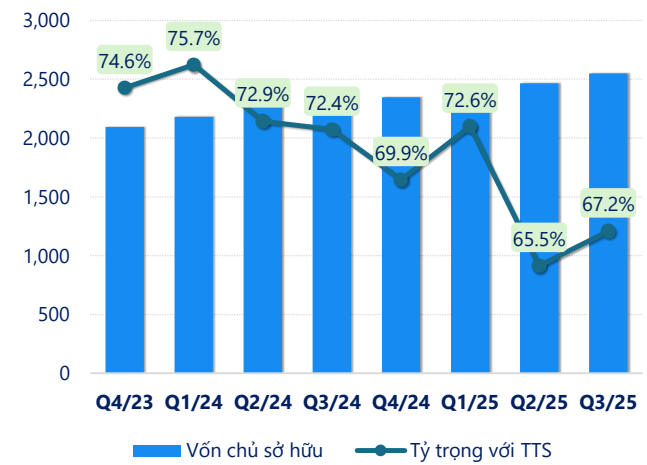
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

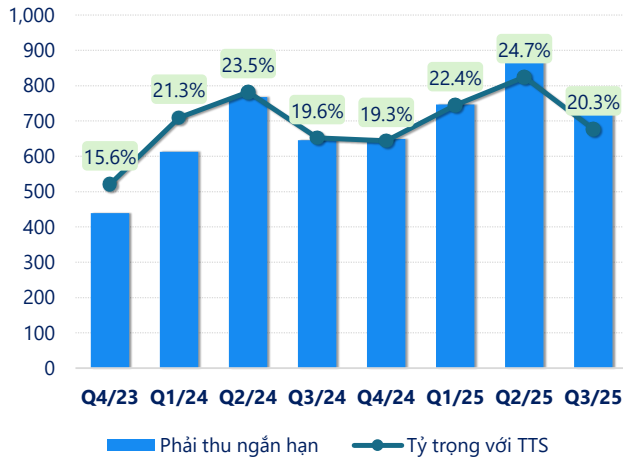
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



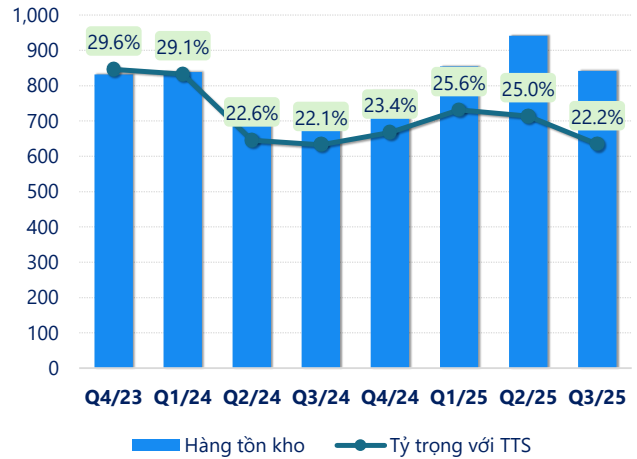
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


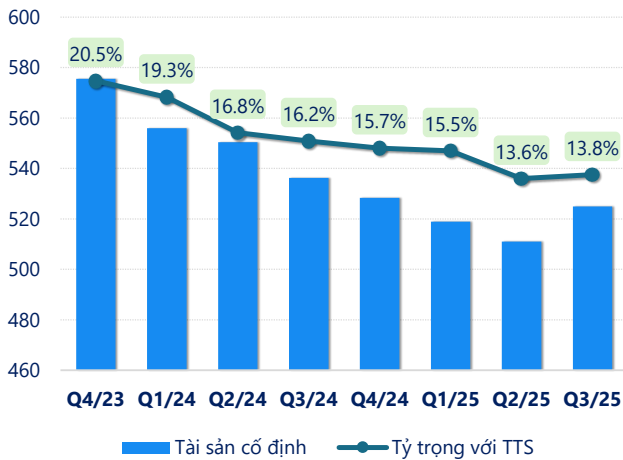
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


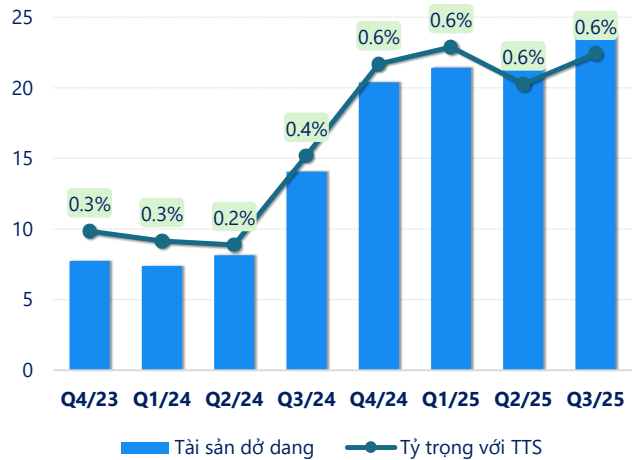
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

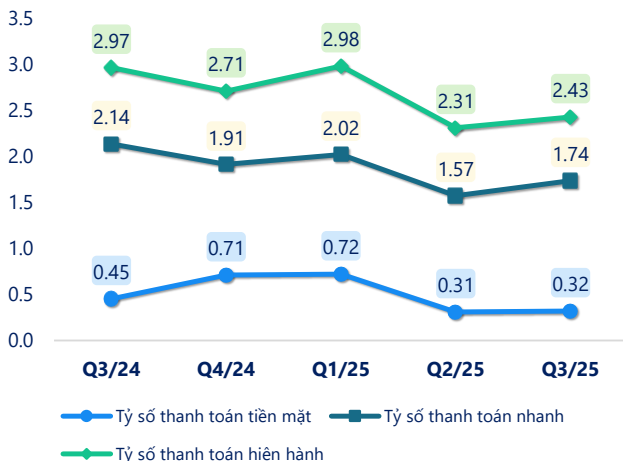
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

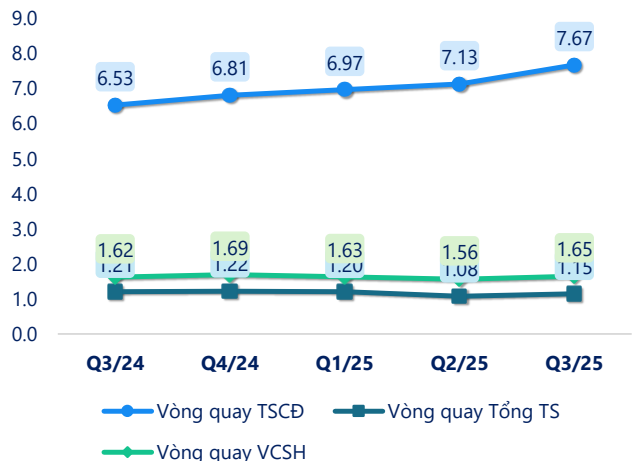
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	3,302	3,360	3,341	3,765	3,793
Tài sản ngắn hạn	2,613	2,671	2,654	2,945	2,955
Tiền và tương đương tiền	399	700	641	395	389
Đầu tư tài chính ngắn hạn	695	361	227	480	741
Phải thu ngắn hạn	646	649	747	931	770
Hàng tồn kho	731	785	855	941	842
Tài sản ngắn hạn khác	142	176	184	197	212
Tài sản dài hạn	690	689	687	820	838
Phải thu dài hạn	14.7	14.7	14.8	12.3	16.4
Tài sản cố định	536	528	519	511	525
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.1	20.4	21.4	21.3	23.8
Đầu tư tài chính dài hạn	63.0	64.2	64.2	211	209
Tài sản dài hạn khác	61.6	61.2	68.0	64.7	64.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	910	1,012	916	1,300	1,242
Nợ ngắn hạn	881	986	890	1,274	1,216
Vay và nợ thuê ngắn hạn	437	487	421	519	609
Phải trả người bán ngắn hạn	195	260	309	331	275
Nợ dài hạn	29.4	26.7	26.1	26.0	26.0
Vay và nợ thuê dài hạn	8.39	6.20	6.20	6.20	6.20
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,392	2,347	2,425	2,466	2,550
Vốn chủ sở hữu	2,392	2,347	2,425	2,466	2,550
Vốn điều lệ	786	865	865	865	878
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)